



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (08) 35.128.668

FAX: (08) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

QUÝ 1 NĂM 2017

(MÃ CK: HMH)

TP.HCM, NGÀY 27 THÁNG 04 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Mẫu B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2017	Số dư 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.291.056.256	99.530.822.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.330.210.205	46.523.785.892
1. Tiền	111		10.330.210.205	14.023.785.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	32.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.282.694.444	1.282.694.444
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.282.694.444	1.282.694.444
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.260.493.974	47.853.988.976
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.074.020.529	35.826.973.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.718.545	3.639.321.927
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.132.754.900	8.387.693.815
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	839.833.035	730.863.097
Hàng tồn kho	141		839.833.035	730.863.097
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.577.824.598	3.139.490.128
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.038.521.735	2.427.924.109
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		535.442.978	309.289.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.003.859.885	402.276.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.438.060.116	188.364.965.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		467.088.000	467.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	467.088.000	467.088.000
II. Tài sản cố định	220		133.003.081.746	97.718.418.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	109.064.934.930	95.846.912.917
Nguyên giá	222		179.247.638.915	162.856.805.968
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.182.703.985)	(67.009.893.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	23.938.146.816	1.871.505.417
Nguyên giá	228		24.058.532.693	1.893.987.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.385.877)	(22.481.820)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.580.649.091	40.662.097.159
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.580.649.091	40.662.097.159
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		46.695.183.148	43.867.260.720
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10a	43.795.166.329	40.967.243.901
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10b	2.900.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.692.058.131	5.650.101.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.485.720.695	5.471.071.647
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		206.337.436	179.029.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		277.729.116.372	287.895.787.937

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/3/2017	Số dư 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.128.000.689	22.592.751.676
I. Nợ ngắn hạn	310		10.973.000.689	22.437.751.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.008.704.117	11.560.934.565
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	887.394.975	1.260.459.277
3. Phải trả người lao động	314		1.118.652.868	1.190.245.281
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		83.577.362	115.011.375
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	619.960.016	7.809.293.895
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	165.808.298	414.554.230
II. Nợ dài hạn	330		155.000.000	155.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	155.000.000	155.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266.601.115.683	265.303.036.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	266.601.115.683	265.303.036.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.709.903.921	119.339.287.797
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>118.085.817.000</i>	<i>88.342.229.587</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2.624.086.921</i>	<i>30.997.058.210</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.253.053.555	1.325.033.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		277.729.116.372	287.895.787.937

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2017



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2016)

MÁU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25.549.361.002	25.856.817.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	25.549.361.002	25.856.817.266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.165.086.349	20.029.790.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.384.274.653	5.827.026.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	275.310.642	281.555.298
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	36.762.970	13.355.671
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.827.922.428	2.670.460.719
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.547.127.573	2.466.842.347
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.903.617.180	6.298.844.515
12. Thu nhập khác	31		4.000.000	420.000.000
13. Chi phí khác	32		143.539.509	141.262.073
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	(139.539.509)	278.737.927
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.764.077.671	6.577.582.442
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	186.886.637	906.982.083
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(27.307.896)	(84.234.608)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.604.498.930	5.754.834.967
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		2.624.086.921	5.721.645.441
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(19.587.991)	33.189.526
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	196	433
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	196	433



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2017

NGUYỄN THỊ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2017

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.764.077.671	6.577.582.442
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.270.714.991	3.314.572.668
- Các khoản dự phòng	03		-	41.165.499
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(124.058.148)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(190.877.932)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.843.914.730	9.809.262.461
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		3.589.626.992	(9.652.682.146)
- Tăng hàng tồn kho	10		(108.969.938)	(144.253.858)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.770.662.388)	3.919.797.590
- Tăng chi phí trả trước	12		374.753.326	(1.168.892.781)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.056.417.416)	(2.289.674.585)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(503.745.932)	(653.877.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.368.499.374	(180.320.419)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.473.930.335)	(5.084.381.809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	420.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.827.922.428)	(3.764.056.270)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		339.701.202	159.731.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.962.151.561)	(7.268.706.534)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.599.923.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.599.923.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.193.575.687)	(7.449.026.953)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.523.785.892	52.599.242.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		35.330.210.205	45.150.215.165

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2017



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2017 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện này là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. 2 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	96.08%	96.08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An	100.00% (trong đó: 99.92% trực tiếp và 0.08% gián tiếp)	100.00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	Thành phố Hải Phòng			
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3. Tòa nhà Hải Minh. Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm. Phường Đông Hải 2. Quận Hải An. TP. Hải Phòng	100.00% (trong đó: 99.00% trực tiếp và 1.00% gián tiếp)	100.00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành. nghề kinh doanh chủ yếu
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Việt Thanh. Quận Đống Đa. Thành phố Hà Nội	25.00%	25.00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17. Tòa nhà Pearl Plaza. 561A Điện Biên Phủ. Phường 25. Quận Bình Thạnh. Thành phố Hồ Chí Minh	49.00%	49.00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 164 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 người).

II. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất 3 tháng đầu năm 2017 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. đây là kỳ kế toán thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho Quý I năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

7. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

15. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chi định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ....

17. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 31/3/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Tiền mặt	1.658.865.926	1.594.004.861
Tiền gửi ngân hàng	8.671.344.279	12.429.781.031
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>25.000.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>
Cộng	<u>35.330.210.205</u>	<u>46.523.785.892</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4.5%/năm đến 5.2%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn**

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.082.694.444	1.082.694.444
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
Cộng	<u>1.282.694.444</u>	<u>1.282.694.444</u>

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.653.546.966	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	413.989.023	326.593.044
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.520.543.759	2.520.543.759
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	806.294.902	1.191.982.778
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	-	175.025.000
Các khách hàng khác	<u>24.679.645.879</u>	<u>25.852.140.780</u>
Cộng	<u>35.074.020.529</u>	<u>35.826.973.234</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.653.546.966	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	<u>413.989.023</u>	<u>326.593.044</u>
Cộng	<u>7.067.535.989</u>	<u>6.087.280.917</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số dư 31/3/2017</u>		<u>Số dư 01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Phải thu ngắn hạn khác	8.132.754.900		8.387.693.815	
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277		6.352.378.277	
Tạm ứng nhân viên	752.561.624		398.286.810	
Ký cược, ký quỹ	250.000.000		250.000.000	
Lãi dự thu	93.308.333		242.131.603	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	20.000.000		100.633.501	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	664.506.666		1.044.263.624	
b) Phải thu dài hạn khác	467.088.000		467.088.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	467.088.000	467.088.000
Cộng (*)	8.599.842.900	8.854.781.815
(*) Phải thu khác bên liên quan		
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	6.352.378.277

5. Hàng tồn kho

	Số dư 31/3/2017	Số dư 01/01/2017
Nguyên liệu, vật liệu	31.089.209	147.954.792
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.600.000	-
Hàng hóa	779.143.826	582.908.305
Cộng	839.833.035	730.863.097
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	839.833.035	730.863.097

6. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.038.521.735	2.427.924.109
Công cụ dụng cụ	168.313.424	217.252.669
Chi phí bảo hiểm	433.396.795	469.828.008
Phí sửa chữa	355.033.968	493.067.947
Chi phí khác	1.081.777.548	1.247.775.485
b) Chi phí trả trước dài hạn	5.485.720.695	5.471.071.647
Chi phí văn phòng	474.688.736	533.911.139
Công cụ dụng cụ	3.581.541.175	2.851.070.326
Phí sửa chữa	738.680.917	772.245.435
Chi phí khác	690.809.867	1.313.844.747
Cộng	7.524.242.430	7.898.995.756

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2017	76.808.507.516	-	78.198.825.481	3.755.344.698	4.094.128.273	162.856.805.968
Tăng trong kỳ	13.170.469.563	1.023.020.774	559.654.545	1.637.688.065	-	16.390.832.947
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2017	89.978.977.079	1.023.020.774	78.758.480.026	5.393.032.763	4.094.128.273	179.247.638.915
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2017	23.271.928.820	-	40.103.943.905	1.468.921.660	2.165.098.666	67.009.893.051
Tăng trong kỳ	879.313.896	11.366.898	1.996.373.114	109.316.931	176.440.095	3.172.810.934
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/3/2017	24.151.242.716	11.366.898	42.100.317.019	1.578.238.591	2.341.538.761	70.182.703.985
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2017	53.536.578.696	-	38.094.881.576	2.286.423.038	1.929.029.607	95.846.912.917
Số dư 31/03/2017	65.827.734.363	1.011.653.876	36.658.163.007	3.814.794.172	1.752.589.512	109.064.934.930
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2017	-	-	14.831.307.495	493.860.149	-	15.325.167.644
Tại 31/03/2017	-	-	16.252.550.221	493.860.149	-	16.746.410.370

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2017	1.893.987.237	1.893.987.237
Tăng trong kỳ	22.164.545.456	22.164.545.456
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/03/2017	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2017	22.481.820	22.481.820
Tăng trong kỳ	97.904.057	97.904.057
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/03/2017	120.385.877	120.385.877
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2017	1.871.505.417	1.871.505.417
Số dư 31/03/2017	23.938.146.816	23.938.146.816

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số dư 31/3/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	-	34.779.448.068
Các công trình khác	7.580.649.091	5.882.649.091
Cộng	7.580.649.091	40.662.097.159

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	43.795.166.329	40.967.243.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	46.695.183.148	43.867.260.720

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

<i>Giá trị đầu tư</i>	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Cộng
	Tại ngày 01/01/2017	18.175.783.651	
Tại ngày 31/03/2017	18.175.783.651	7.069.435.800	25.245.219.451
<i>Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư</i>			
Tại ngày 01/01/2016	12.904.942.310	2.817.082.140	15.722.024.450
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	2.368.427.781	459.494.647	2.827.922.428
Tại ngày 31/12/2016	15.273.370.091	3.276.576.787	18.549.946.878
<i>Giá trị hợp lý</i>			

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2016	31.080.725.961	9.886.517.940	40.967.243.901
Tại ngày 31/12/2016	33.449.153.742	10.346.012.587	43.795.166.329

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 275.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 550.000 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phải trả người bán

	Số dư 31/3/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.584.399.474	1.584.399.474	1.755.601.460	1.755.601.460
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	1.181.007.303	1.181.007.303	1.480.659.554	1.480.659.554
Khách hàng khác	5.243.297.340	5.243.297.340	8.324.673.551	8.324.673.551
Cộng	8.008.704.117	8.008.704.117	11.560.934.565	11.560.934.565

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số dư 01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/3/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	214.737.989	753.246.848	947.541.264	20.443.573
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(143.136.281)	-	209.550.792	(352.687.073)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	357.874.270	753.246.848	737.990.472	373.130.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.690.408	186.886.637	1.056.417.416	(518.840.371)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	(157.275.576)	-	380.278.094	(537.553.670)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	507.965.984	186.886.637	676.139.322	18.713.299
Thuế thu nhập cá nhân	181.608.689	443.589.369	472.467.432	152.730.626
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(90.067.191)	20.000.000	31.754.951	(101.822.142)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	271.675.880	423.589.369	440.712.481	254.552.768

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Các loại thuế khác</i>	<i>111.146.143</i>	<i>575.834.817</i>	<i>457.779.698</i>	<i>229.201.262</i>
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	(11.797.000)	98.502.750	-	86.705.750
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>(11.797.000)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(11.797.000)</i>
<i>Thuế phải thu</i>	<i>-</i>	<i>98.502.750</i>	<i>-</i>	<i>98.502.750</i>
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.943.143	464.332.067	444.779.698	142.495.512
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>122.943.143</i>	<i>464.332.067</i>	<i>444.779.698</i>	<i>142.495.512</i>
<i>Thuế phải thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	858.183.229	1.959.557.671	2.934.205.810	(116.464.910)

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu		
Nhà nước	402.276.048	1.003.859.885
Thuế và các khoản phải nộp		
Nhà nước	<u>1.260.459.277</u>	<u>887.394.975</u>

13. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	619.960.016	7.809.293.895
Kinh phí công đoàn	51.473.530	116.401.880
BHXXH	29.085.209	21.960.159
BHYT	7.760.512	5.554.500
BHTN	2.581.750	2.030.900
Cổ tức phải trả	-	6.599.923.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	71.000.000	86.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	458.059.015	977.422.956
b) Phải trả dài hạn khác	155.000.000	155.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	155.000.000	155.000.000
Cộng(*)	<u>774.960.016</u>	<u>7.964.293.895</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư 01/01/2017	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Sử dụng các quỹ trong kỳ/ năm	Số dư 31/03/2017
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	67.351.090	255.000.000	(421.133.501)	(98.782.411)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	347.203.140	-	(82.612.431)	264.590.709
Cộng	414.554.230	255.000.000	(503.745.932)	165.808.298

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2016	100.000.000.000	5.860.984.271	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	223.932.110.813
Tăng vốn	31.998.470.000	-	-	-	-	31.998.470.000
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	30.997.058.210	65.278.165	31.062.336.375
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.169)	(4.115.936.605)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.119.755.200)	-	(21.119.755.200)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.791.868.883	-	3.791.868.883
Điều chỉnh khác	-	33.000.000	-	(114.444.335)	(164.613.670)	(246.058.005)
Số 31/12/2016	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận 3 tháng đầu năm 2017	-	-	-	2.624.086.921	(19.587.991)	2.604.498.930
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(255.000.000)	-	(255.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(52.391.983)	(52.391.983)
Giảm khác	-	-	(556.728)	(998.470.797)	-	(999.027.525)
Số dư 31/03/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	120.709.903.921	1.253.053.555	266.601.115.683

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Số 1 Đinh Lê, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Tại 31/3/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
Tổng doanh thu		
Dịch vụ vận tải	9.116.188.768	6.734.312.481
Dịch vụ khai thác kho bãi	9.793.550.860	13.798.693.446
Dịch vụ đại lý container	4.031.914.156	2.648.245.062
Cho thuê văn phòng	502.147.726	430.183.068
Doanh thu bán hàng hóa	2.105.559.492	2.245.383.209
Cộng	<u>25.549.361.002</u>	<u>25.856.817.266</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	10.049.878.767	5.674.738.439
Giá vốn khai thác kho bãi	8.660.730.419	10.147.580.698
Giá vốn đại lý container	2.026.786.649	1.579.901.250
Giá vốn Cho thuê văn phòng	384.322.303	355.587.908
Giá vốn hàng hóa	2.043.368.211	2.271.982.455
Cộng	<u>23.165.086.349</u>	<u>20.029.790.750</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	190.877.932	159.731.545
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	84.432.710	121.823.753
Cộng	<u>275.310.642</u>	<u>281.555.298</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.762.970	13.355.671
Cộng	36.762.970	13.355.671

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.532.795.767	1.248.606.366
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	74.332.929	61.179.163
Chi phí dụng cụ quản lý	35.048.109	92.446.430
Chi phí khấu hao	100.975.020	103.434.618
Thuế phí và lệ phí	20.292.631	14.295.570
Chi phí dự phòng	-	41.165.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.789.695	557.687.367
Chi phí bằng tiền khác	230.893.422	348.027.334
Cộng	2.547.127.573	2.466.842.347

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	420.000.000
Thu nhập khác	4.000.000	-
Cộng	4.000.000	420.000.000

Lỗi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	143.538.849	93.673.397
Chi phí khác	660	47.588.676
Cộng	143.539.509	141.262.073

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(139.539.509)	278.737.927
--	----------------------	--------------------

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.764.077.671	6.577.582.442
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	836.283.618	5.331.425
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	836.283.618	5.331.425
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(2.665.928.100)	(2.048.003.451)
Thu nhập chịu thuế	934.433.189	4.534.910.416
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	186.886.637	906.982.083

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.624.086.921	5.721.645.441
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(39.361.304)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.584.725.617	5.721.645.441
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	196	433

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.584.725.617	5.721.645.441
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	2.584.725.617	5.721.645.441
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	196	433

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	5.082.271.736	4.865.019.911
Chi phí nhân viên	6.848.657.445	6.446.422.180
Chi phí khấu hao	3.298.228.219	3.334.772.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.004.545.834	6.595.159.489
Chi phí bằng tiền khác	478.510.688	1.255.258.849
Cộng	25.712.213.922	22.496.633.097

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết

Trong kỳ. Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	959.609.356	1.486.911.420
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	433.125.311	574.049.298

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 31/3/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
<i>Phải thu</i>	6.386.538.159	5.882.924.535
<i>Phải thu khác</i>	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
<i>Phải thu</i>	413.989.023	326.593.044

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Quý I năm 2017</u>	<u>Quý I năm 2016</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	388.500.000	456.380.000
Cộng	388.500.000	456.380.000

2. Giải trình kết quả kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước

Suy thoái kinh tế tiếp tục kéo dài và bất ổn chính trị tại một số cường quốc có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn đến Dịch vụ Logistic nói chung và làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của một số dịch vụ tại đơn vị nói riêng. Đặc biệt tại khu vực Thành phố Hải Phòng (nơi tập đoàn có 3 đơn vị thành viên (Công ty con) đang hoạt động), việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông theo Quyết định của Sở giao thông thành phố Hải Phòng, dẫn đến tuyến đường từ Ngã ba Đình Vũ đi các Cảng và KCN Đình Vũ bị cấm lưu thông (dự kiến kéo dài đến cuối năm 2017) dẫn đến hoạt động khai thác của các đơn vị thành viên thuộc tập đoàn chúng tôi bị sụt giảm nghiêm trọng, cụ thể số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo hợp nhất ảnh hưởng (giảm) 3.150.336.037 VND tương ứng giảm 55% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2017



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Người lập biểu